

BẢNG ĐIỂM TỔNG HỢP LỚP TTV24B5
HỌC KỲ I NĂM HỌC 2024-2025

STT	MSHS	Họ và tên		Ngày sinh	Tin học(2)	Giáo dục Chính trị(2)	Pháp luật(1)	Hệ điều hành Windows(2)	Kỹ thuật sử dụng bàn phím(1)	Soạn thảo văn bản điện tử(3)	Tiếng anh chuyên ngành(2)	Thiết kế trình diễn trên máy tính(3)	Điểm TB	Xếp loại
01	2454802030493	Lê Ngọc Minh	Anh	10/01/2009	7.6	7.7	7.9	9.6	9.5	9.4	9.0	9.2	8.8	Giỏi
02	2454802030494	Phan Minh	Chiến	29/07/2009	5.1	6.9	7.2	7.9	7.3	7.1	7.0	8.5	7.2	Khá
03	2454802030495	Nguyễn Hoàng	Duy	18/01/2009	5.1	4.6	5.2	8.7	8.5	6.5	7.1	7.3	6.6	Trung bình
04	2454802030496	Nguyễn Quốc	Đạt	11/08/2009	6.2	5.6	5.8	8.8	8.2	8.1	7.2	9.2	7.6	Khá
05	2454802030497	Nguyễn Gia	Hào	27/10/2009	6.7	5.5	5.6	9.4	8.5	8.2	5.8	9.7	7.7	Khá
06	2454802030498	Nguyễn Quốc	Hào	19/12/2009	6.0	4.7	5.8	7.0	7.9	7.8	4.9	8.0	6.6	Trung bình
07	2454802030499	Nguyễn Huỳnh Diễm	Hằng	16/02/2009	6.8	9.0	8.3	8.6	8.0	7.9	7.0	9.2	8.2	Giỏi
08	2454802030500	Lê Kim	Hoàng	07/02/2009	7.2	8.3	8.5	9.7	8.6	9.3	8.3	9.3	8.7	Giỏi
09	2454802030501	Huỳnh Thị Thuyền	Kim	17/11/2009	6.1	7.1	7.1	9.5	8.3	9.0	6.6	8.9	8.0	Giỏi
10	2454802030502	Bùi Thị Trúc	Linh	23/05/2008	7.1	7.4	6.9	9.6	8.0	8.5	6.6	8.9	8.0	Giỏi
11	2454802030503	Nguyễn Thành	Long	01/07/2009	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.4	0.0	0.1	Yếu
12	2454802030504	Lục Thị Hiền	Mỹ	13/06/2009	8.0	8.6	7.6	9.9	9.0	9.2	8.2	9.6	8.9	Giỏi
13	2454802030505	Đỗ Thị Kim	Ngân	25/12/2009	8.1	8.2	7.9	9.6	8.4	8.9	8.8	9.1	8.7	Giỏi
14	2454802030506	Võ Hữu	Nghĩa	11/11/2009	5.1	4.6	4.6	7.3	7.3	7.5	5.2	7.3	6.3	Trung bình
15	2454802030507	Trần Thị Kim	Ngọc	06/05/2009	8.1	8.2	8.0	9.6	9.2	9.4	8.1	9.4	8.9	Giỏi
16	2454802030508	Nguyễn Trọng	Phúc	04/10/2009	6.8	6.6	7.3	8.5	7.3	7.4	7.8	8.6	7.6	Khá
17	2454802030509	Nguyễn Trần Kim	Phượng	12/10/2009	7.9	8.1	5.4	10.0	8.8	9.4	8.1	9.4	8.7	Giỏi
18	2454802030510	Võ Thành	Sang	06/03/2008	2.7	7.7	7.7	9.2	8.3	8.2	8.1	8.8	7.7	Khá
19	2454802030511	Võ Thành	Tân	30/03/2009	5.6	4.5	2.1	3.2	7.4	6.3	5.2	7.1	5.4	Trung bình
20	2454802030512	Nguyễn Duy	Thái	01/04/2008	5.0	4.7	4.7	7.0	8.4	7.4	5.8	7.9	6.5	Trung bình
21	2454802030513	Nguyễn Ngọc Phương	Thanh	27/10/2009	6.0	7.2	7.5	8.1	7.8	8.1	7.5	8.2	7.6	Khá

STT	MSHS	Họ và tên		Ngày sinh	Tin học(2)	Giáo dục Chính trị(2)	Pháp luật(1)	Hệ điều hành Windows(2)	Kỹ thuật sử dụng bàn phím(1)	Soạn thảo văn bản điện tử(3)	Tiếng anh chuyên ngành(2)	Thiết kế trình diễn trên máy tính(3)	Điểm TB	Xếp loại
22	2454802030514	Đoàn Nhật	Thiện	05/04/2009	7.1	5.6	7.4	8.8	7.9	8.0	6.0	8.8	7.5	Khá
23	2454802030515	Nguyễn Thị Anh	Thơ	28/11/2009	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu
24	2454802030516	Lê Nguyễn Quốc	Thuận	13/01/2009	6.4	6.1	6.6	8.0	8.0	6.9	5.8	9.0	7.2	Khá
25	2454802030517	Võ Bảo	Thy	27/08/2009	7.9	8.1	8.8	10.0	9.3	8.8	6.6	9.4	8.6	Giỏi
26	2454802030518	Lê Phúc	Toàn	03/03/2009	5.7	8.6	6.7	8.3	8.6	6.9	6.2	8.0	7.4	Khá
27	2454802030519	Nguyễn Minh	Triết	14/08/2008	5.3	5.3	5.1	7.6	8.9	6.8	5.8	8.0	6.7	Trung bình
28	2454802030520	Phan Thị Mai	Trình	04/07/2009	6.9	5.7	6.3	9.0	8.1	8.1	5.8	8.3	7.4	Khá
29	2454802030521	Hà Thị Ánh	Trúc	06/09/2009	7.0	7.4	6.5	8.6	8.9	8.5	8.0	9.3	8.2	Giỏi
30	2454802030522	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	01/07/2007	6.6	6.5	6.8	9.0	7.5	8.9	7.6	8.7	7.9	Khá
31	2454802030523	Nguyễn Hoàng	Tuấn	25/01/2009	5.9	5.4	6.7	9.5	8.5	7.9	5.6	8.5	7.3	Khá
32	2454802030524	Đặng Thị Bảo	Tuyền	10/05/2009	6.7	6.1	6.3	8.9	8.0	8.1	4.0	9.1	7.3	Khá
33	2454802030525	Huỳnh Thị Trang	Uyên	22/02/2008	7.0	9.0	9.3	9.2	8.0	8.9	8.8	9.5	8.8	Giỏi
34	2454802030526	Đặng Thị Thúy	Vân	13/08/2009	7.2	5.8	5.8	9.0	7.4	7.9	5.9	9.1	7.5	Khá
35	2454802030527	Lê Nguyễn Đoàn	Vinh	13/05/2009	5.2	9.2	8.6	9.1	8.0	7.7	6.9	8.6	7.9	Khá
36	2454802030528	Nguyễn Quốc	Vinh	12/09/2009	6.0	6.6	6.3	8.2	8.0	7.6	5.2	8.2	7.1	Khá
37	2454802030529	Nguyễn Thị Triệu	Vy	09/10/2009	6.7	7.6	6.9	8.7	8.3	8.5	7.5	9.2	8.1	Giỏi
38	2454802030530	Võ Thị Kiều	Vy	16/02/2009	7.2	8.6	8.5	9.0	8.0	8.6	8.3	9.4	8.5	Giỏi

TL. HIỆU TRƯỞNG
TP. Đào tạo

Châu Đốc, ngày 06 tháng 02 năm 2025
Người lập bảng

Ths. Trần Thanh Dũng

Trần Quốc Thái